TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/QĐST- KDTM	*Phú Thọ, ngày 23 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2025/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 15/01/2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 194, Trần Quang Kh, phường H, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đinh Thị Mai H – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch L- Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P

Ông Nguyễn Thanh H1, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Ph

Bị đơn: Hộ kinh doanh Lê Thành Đ.

Người đại diện hộ kinh doanh: Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 27, phường N, tỉnh P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 27, phường N, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Đ và bà C: Ông Lê Duy Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: tổ 27, phường N, tỉnh P

- Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1946

Địa chỉ: Tổ 27, phường N, tỉnh P

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Tổng số tiền nợ hộ kinh doanh Lê Thành Đ còn nợ Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P tính đến ngày 15/01/2026 (hết ngày 14/01/2026) theo hợp đồng tín dụng số 02/2024/5933919/HĐTD ngày 30/9/2024 là 1.332.242.447đ (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng). Trong đó: Dư nợ gốc: 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn); Dư nợ lãi: 95.833.022đ (Chín mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi hai đồng); Số tiền lãi trả chậm: 36.409.425đ (Ba mươi sáu triệu bốn trăm linh chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

2/ Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau:

Ngày 30/3/2026, hộ kinh doanh Lê Thành Đ có nghĩa vụ trả nợ gốc cho ngân hàng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng chẵn).

Ngày 30/6/2026, hộ kinh doanh Lê Thành Đ có nghĩa vụ trả nợ gốc cho ngân hàng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng chẵn).

Ngày 30/7/2026, hộ kinh doanh Lê Thành Đ có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc còn lại là 1.060.000.000đ (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 15/01/2026 (hết ngày 14/01/2026) là 132.242.447đ (Một trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng) (*trong đó bao gồm lãi trong hạn là 95.833.022đ (chín mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi hai đồng chẵn) và lãi quá hạn là 36.409.425đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm linh chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng)*).

Ngoài ra, hộ kinh doanh Lê Thành Đ còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 15/01/2026 đối với số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 02/2024/5933919/HĐTD ngày 30/9/2024 cho đến khi trả nợ xong toàn bộ nợ. *(Kể từ ngày 15/01/2026 cho đến khi thi hành án xong, hộ kinh doanh Lê Thành Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp, tại hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất bên cho vay)*

3/ Về tài sản thế chấp: Duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số

01/2020/5933919/HĐBĐ ký ngày 12/03/2020 giữa ông Lê Thành Đ + bà Phạm Thị C và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P; tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45-3; tờ bản đồ số 14, diện tích 86m^2 (khu Cao Đại, phường Minh Ph, tỉnh P) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 207799 do UBND thành phố V cấp cho ông Lê Thành Đ và bà Phạm Thị C; Tài sản là 01 nhà xây được xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 86m^2 để đảm bảo thi hành án.

4/ Đối với một phần tài sản là bếp được xây nối liền với phần nhà của ông Đô, bà Chi hiện được xây trên một phần của thửa đất số 45, tờ bản đồ số 14, diện tích 121m^2, (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 207800 do UBND thành phố V cấp ngày 22/11/2023 mang tên Đỗ Thị S) các bên thống nhất xác định không phải là phần tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp bất động sản trên nên không đề nghị giải quyết.

5/ Về chi phí tố tụng: Hộ kinh doanh Lê Thành Đ có trách nhiệm chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ) là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn). Do ngân hàng đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng, hộ kinh doanh Lê Thành Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh P số tiền chi phí tố tụng là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn). Thời hạn thanh toán khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật (ngày 23/01/2026).

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền (chi phí tố tụng) còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hộ kinh doanh Lê Thành Đ (do ông Lê Thành Đ đại diện) tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 25.983.636đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005249 ngày 12 tháng 11 năm 2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ
- VKSND tỉnh Phú Thọ
- TAND tỉnh Phú Thọ
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan